

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HS-ST

Ngày: 07-5-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Hải

Ông Lê Quang Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Kim Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa:** Ông Lâm Xuân Long – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Thành Đ, sinh năm 1999, tại Đồng Tháp; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, Khóm A, Phường G, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con bà Lê Thị Kim Y, không rõ họ tên cha; chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 18/12/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng theo Quyết định số 336/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 04/02/2020; Nhân thân: Ngày 09/6/2016, bị Công an thành phố Cao Lãnh xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 750.000 đồng, đã nộp phạt ngày 13/6/2016; Ngày 20/7/2020, bị Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Cao Lãnh áp dụng biện pháp giáo dục tại Phường theo Quyết định số 04/QĐ-UBND; Ngày 08/01/2021 bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Lấp Vò khởi tố và tạm giam về tội “Cướp tài sản”, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp.

2. Họ và tên: Trương Văn L, sinh năm 1997, tại Trà Vinh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ N, Khóm C, Phường G, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T và bà Đặng Thị H; chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 23/9/201, bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án xong ngày 09/5/2016 (phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi); Tạm giữ, Tạm giam: Không; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:*

1. Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số nhà Z, đường P, Tổ Z1, Khóm C, Phường G, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Phước C, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ M, Khóm B, Phường G, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền C, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Lê Thị Kim Y, sinh năm 1976; (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ B, Khóm A, Phường G, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 12/4/2020, sau khi nhận xong, bị cáo Đ và bị cáo L đến thuê phòng khách sạn Y nghỉ ngơi. Đến khoảng 03 giờ ngày 13/4/2020, do không có tiền tiêu xài nên bị cáo Đ rủ bị cáo L đi tìm nhà ai sơ hở đột nhập vào chiếm đoạt tài sản. Bị cáo Lực mặc áo sơ mi dài tay màu trắng, quần sọt màu xám, còn bị cáo Đ mặc quần Jean dài màu đen, áo thun ngắn tay màu trắng, áo khoác dài tay màu đen, đội nón bảo hiểm đi bộ về trung tâm thành phố Cao Lãnh. Khi đến vừa phé liệu "H" tại số Z, Tổ Z1, Khóm C, Phường G của chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1982, ngụ ấp T, xã T có rào lưới B40, cửa khóa ngoài không người trông coi, bị cáo L rủ bị cáo Đ đột nhập vào lấy trộm đồng phé liệu (vì bị cáo L thường phụ mẹ đem phé liệu đến đây bán nên biết). Bị cáo Được nhặt cây tua-vít trước vừa phé liệu tìm cách phá khóa nhưng không được nên cả hai sang ngôi nhà hoang bên cạnh, bị cáo Đ cởi áo khoác ra rồi đi lên cầu

thang xoay tròn, lần lượt hai bị cáo trèo lên cây cạp vách sang mái nhà vừa phế liệu. Phát hiện vách đứng giữa hai tầng mái có lam gió nên bị cáo Đ đưa tua-vít cho bị cáo L mở ốc lam gió tạo ra 01 khoảng trống rồi lần lượt cả hai chui vào trong lục tìm tài sản lúc 03 giờ 45 phút. Thấy trên bàn đá có thùng nhôm, bị cáo L mở ra bên trong có nhiều tiền nên cả hai lấy giấu vào túi quần, phát hiện túi xách kẻ bên có tiền và bịch nylon có nhiều tiền lẻ nên bị cáo L và bị cáo Đ lấy hết giấu vào túi quần. Tiếp tục lục tìm nhưng không có tài sản giá trị, nên hai bị cáo thoát ra theo hướng đã đột nhập vào về khách sạn Mộng Yên đêm tổng cộng được 11.200.000 đồng, chia đôi mỗi người 5.600.000 đồng tiêu xài cá nhân hết, còn cây tua-vít sử dụng vào việc phạm tội, bị cáo Được đã bỏ mất không thu hồi được. Ngày 08/3/2021, bị cáo L đã bồi thường thiệt hại cho chị T 5.600.000 đồng và chị T đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lục.

Ngoài ra, khoảng 22 giờ ngày 26/8/2020, Lê Đăng H và Nguyễn Minh H1 đang chơi Game tại tiệm Net 66 thuộc Phường 6, thành phố Cao Lãnh thì gặp bị cáo Lê Thành Đ đang mượn xe mô tô 66P1-372.64 của mẹ ruột là Lê Thị Kim Y đi chơi nên nhờ chở về, bị cáo Đ đưa xe cho H chở H1 và bị cáo Đ về. Khi đến nhà trọ Bảy Thành thuộc Tổ 11, Khóm 2, Phường 6 thì bị cáo Đ kêu H và H1 dừng xe đứng đợi để bị cáo bị cáo Được vào tìm bạn, nhưng bị cáo Đ vào phòng số 1 của anh Nguyễn Phước L, sinh năm 1978, ngụ ấp D, xã T, huyện K, tỉnh Trà Vinh đang thuê ở, dùng tua-vít chuẩn bị sẵn cạy phá ổ khóa đột nhập vào chiếm đoạt tài sản trên kệ tivi, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 2 màu đen, 01 máy tính bảng hiệu Arirang WTS 3600 màu đen bị trầy xước nhiều và 07 gói thuốc Hero của anh L mua về để dành hút, bị cáo Được giấu vào túi áo và quần đem về nhà cất giấu, Đ khui 01 gói thuốc ra hút còn 06 gói bỏ vào cốp xe. Lúc 23 giờ 25 phút cùng ngày, anh L phát hiện bị kẻ gian đột nhập phòng trọ của mình lấy trộm tài sản nên điện thoại báo Công an Phường 6 đến thu giữ ổ khóa bị cạy phá. Khi đang tuần tra an ninh trật tự, Công an Phường phát hiện bị cáo Đ chở H và H1 đi chơi nên nghi vấn mời về làm việc, tại đây bị cáo Đ thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, đồng thời giao nộp tài sản vừa chiếm đoạt được và xe mô tô biển số 66P1-372.64 cùng 06 gói thuốc. Kết luận định giá số 145 ngày 16/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: Điện thoại trị giá 100.000 đồng, máy tính bảng trị giá 200.000 đồng, 07 gói thuốc không định giá được, tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 300.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh L điện thoại và máy tính bảng, anh L không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với xe mô tô biển số 66P1-372.64, do bà Lê Thị Kim Y là mẹ ruột của bị cáo Đ mua lại tại tiệm xe gắn máy Vân T của anh

Nguyễn Phát S làm chủ, chưa làm thủ tục sang tên. Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà Y quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung đã nêu trên, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ.

Về trách nhiệm dân sự, bị cáo Lê Thành Đ thống nhất sẽ bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc T số tiền còn lại 5.600.000 đồng, không yêu cầu bị cáo L cùng liên đới vì bị cáo L đã bồi thường cho chị T số tiền 5.600.000 đồng.

Bản cáo trạng số 32/CT-VKSND-TPCL ngày 23/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp truy tố Lê Thành Đ, Trương Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như Cáo Trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Thành Đ, Trương Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38, Điều 58; áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thành Đ với mức án tù 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38, Điều 58; áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Văn L với mức án tù 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự, căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị can Lê Thành Đ bồi thường thiệt hại 5.600.000 đồng cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc T.

Về xử lý vật chứng, căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, tịch thu tiêu hủy những vật cấm là 06 gói thuốc Hero.

Khi nói lời sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã Đ thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử và lời khai của những người này đã có trong hồ sơ vụ án nên căn cứ vào Điều 292 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Lãnh, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và Đ chứng minh bằng lời khai của bị hại, phù hợp dữ liệu điện tử tập tin hình ảnh (đoạn video) từ hệ thống camera an ninh vừa phết liệu, biên bản khám nghiệm, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, biên bản, bản ảnh nhận dạng và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận đến khoảng 03 giờ 00 phút, ngày 13/4/2020, các bị cáo Lê Thành Đ và Trương Văn L cùng thống nhất tìm tài sản để trộm. Khi đến vừa phết liệu "H" tại số Z, Tổ Z1, Khóm C, Phường G của chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1982, có rào lưới B40, cửa khóa ngoài không người trông coi, bị cáo L rủ bị cáo Được đột nhập vào lấy trộm đồng phết liệu (vì Lực thường phụ mẹ đem phết liệu đến đây bán nên biết). Bị cáo L dùng tua - vít mở lam gió tạo khoảng trống rồi cả hai cùng vào nhà lục tìm tài sản. Các bị cáo lấy trộm 11.200.000 đồng, chia đôi mỗi bị cáo 5.600.000 đồng. Số tiền trộm Đ các bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quan hệ sở hữu, cụ thể là xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản chị Nguyễn Thị Ngọc T một cách trái pháp luật. Các bị cáo là người đã thành niên, bị cáo Lê Thành Đ đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo Trương Văn L đã từng bị phạm tội trộm cắp tài sản và đã bị phạt tù, các bị cáo nhận thức Đ hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt Đ quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Việc truy tố và xét xử bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng với tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo gây ra.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; riêng bị cáo Lê Thành Đ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là các tình tiết giảm nhẹ Đ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Trương Văn L đã bồi thường thiệt hại và được bị hại xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng vì muốn có tiền để tiêu xài

cá nhân, bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Các bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt hành chính, phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không có ý thức hoàn lương trở thành người tốt. Do đó, cần phải áp dụng cho các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo và cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời, cũng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi xem xét quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cân nhắc mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo.

Xét đến vai trò của từng bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, phối hợp chặt chẽ, các bị cáo đều cùng thống nhất thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 08/3/2021, bị cáo Lục đã bồi thường thiệt hại cho bị hại Thiềm 5.600.000 đồng và chị Thiềm đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lục.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thành Đ tự nguyện và thống nhất sẽ tự chịu trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc T là 5.600.000 đồng và không yêu cầu bị cáo Trương Văn L cùng liên đới.

[6] Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy những vật cấm là 06 gói thuốc Hero (Hiện các vật chứng đang Đ chỉ cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01 tháng 4 năm 2021).

[7] Về án phí: Các bị cáo Lê Thành Đ, Trương Văn L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo Lê Thành Đ, Trương Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38, Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thành Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Đ tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38, Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn L 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Đ tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 591 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Lê Thành Đ có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 5.600.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu L pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người Đ thi hành án án (đối với các khoản tiền phải trả cho người Đ thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo Lê Thành Đ, Trương Văn L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Lê Thành Đ phải chịu liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc kể từ ngày bản án Đ niêm yết. Người có quyền C, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền C, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền C, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TPCL;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- CQĐT Công an TPCL;
- CQTHAHS Công an TPCL;
- Trại tạm giam CA tỉnh ĐT;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đặng Thị Thanh Thảo**